

Bản án số: 114/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 25 – 4 – 2019

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Ngọc Minh

2. Bà Nguyễn Thị Tua

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Trung Toàn –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Trung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 4 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 99/2019/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 3 năm 2019 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2019/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đặng Thị L (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã V4, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

2. *Bị đơn:* Ông Mai Văn K (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã V4, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 27/02/2019 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Đặng Thị L trình bày: Vào năm 1994, được hai bên gia đình đồng ý nên bà L và ông Kiệt có tổ chức lễ cưới theo phong tục nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian đầu bà và ông K chung sống hạnh phúc, nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Nay tình cảm không còn nên bà L yêu cầu được ly hôn với ông Kiệt. Về con chung đã trưởng thành, có khả năng lao động nên bà L không yêu cầu giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung: bà L và ông K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Quá trình tố tụng tại Tòa án ông Mai Văn K vắng mặt, trình bày ý kiến tại biên bản lấy lời khai ngày 28/3/2019: Ông K thống nhất đối với phần trình bày của

bà L về thời gian chung sống như vợ chồng, việc không đăng ký kết hôn và về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, ông Kiệt cũng đồng ý ly hôn. Về con chung đã trưởng thành, ông K không yêu cầu giải quyết; về tài sản chung và nợ chung: Ông K và bà L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông K có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Về thủ tục tố tụng: Xác định quá thực hiện các thủ tục tố tụng trong quá trình thụ lý, thu thập chứng cứ cũng như thủ tục tố tụng tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật, đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Không công nhận bà Đặng Thị L và ông Mai Văn Kiệt là vợ chồng.

Về con chung: Đã thành niên nên không xem xét.

Về nợ chung, tài sản chung không xem xét, nếu có phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện thành vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Đặng Thị L khởi kiện ông Mai Văn Kiệt yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Kiệt nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Các đương sự có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy, giữa bà L và ông Kiệt tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994 đến năm 2019, có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống, giữa bà L và ông Kiệt phát sinh mâu thuẫn nên bà L có yêu cầu ly hôn. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 131 và Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận bà Đặng Thị L và ông Mai Văn Kiệt là vợ chồng.

[4] Về con chung: Giữa bà L và ông K có 01 con chung tên Mai Cẩm Tiên – sinh năm 1997, cháu Tiên đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không đặt vấn đề xem xét giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khai thông nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp, các đương sự có quyền khởi kiện thành vụ án khác.

[5] Từ những tình tiết chứng cứ nêu trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Bà L phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14; Điều 51, Điều 56, 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Đặng Thị L và ông Mai Văn K là vợ chồng.

Về con chung: Đã thành niên và có khả năng lao động nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp, các đương sự có quyền khởi kiện thành vụ án khác.

Về án phí: Bà Đặng Thị L phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp theo biên lai số 0020896 ngày 11 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy thành tiền án phí (bà L đã nộp xong).

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKS huyện Vị Thủy;
- Chi cục THADS huyện Vị Thủy;
- UBND xã Vị Thanh, huyện Vị Thủy;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử TANDTC (để công bố);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Diệu

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Ngọc Minh Nguyễn Thị Tua

Lê Thị Diệu